

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

Bản án số: 537 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30/11/2022

*V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bông

2. Bà Đỗ Thị Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Liệu- Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bình – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị Đ, sinh năm 1985

HKTT: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Trí C, sinh năm 1985

HKTT: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

(Chị Đ, anh C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và biên bản hoà giải chị Phùng Thị Đ trình bày: Tôi có kết hôn với anh Đỗ Trí C ngày 18/8/2004 tại UBND xã VT, huyện Ba Vì, tự nguyện tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi c

chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C chơi bời, có gái quan hệ bất chính với chị Phùng Thị T – sinh năm 1984; quê quán: Suối Hai, xã Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội; hiện đang công tác tại Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì, khoa ngoại và sinh được 1 cháu trai (tôi không đề nghị xử lý hình sự) và đánh đuổi tôi và các con nhiều lần, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cãi vã nhiều lần, anh C đánh đuổi tôi ra khỏi nhà không cho tôi ở nhà vào tháng 6/2019 và vợ chồng cũng ly thân từ ngày đó cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với anh C.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải của anh Đỗ Trí C trình bày: Tôi có kết hôn với chị Phùng Thị Đ ngày 18/8/2004 tại UBND xã VT, huyện Ba Vì, lấy nhau tự nguyện tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm là do không hợp tính cách, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và chị Đ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2015 cho đến nay và vợ chồng sống ly thân từ ngày đó cho đến nay. Chị Đ trình bày tôi có quan hệ bất chính và có con là không đúng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn.

Về con chung: Chị Đ, anh C đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Đỗ Hải T1, sinh ngày 04/11/2005, cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 13/01/2019.

- Quan điểm của chị Đ trình bày: Từ trước đó hai cháu đang ở với chị Đ đến tháng 02/2022 anh C đón hai cháu về nuôi. Tôi xin được nuôi hai cháu và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng chẵn) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Quan điểm của anh C trình bày: Tôi xin tiếp tục nuôi hai cháu và không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung, hai cháu ở với anh C từ đầu năm 2022 cho đến nay.

- Tài sản chung:

- Theo chị Đ trình bày: vợ chồng chị có 01 nhà 02 tầng một tum, cửa khung gỗ, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, chưa sơn nhà, xây dựng năm 2012, đến năm 2020 anh C tự ý sửa chữa không được sự đồng ý của chị.

Có 01 mảnh đất diện tích 85m² tại thửa số 1156, tờ bản đồ số 22 tại khu đường Văn Chỉ, thuộc thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đỗ Trí C, cấp ngày 30/6/2011.

- 01 bộ bàn ghế đồng ky, gỗ hương, 01 điều hoà Panasonic. Ngoài ra còn những tài sản khác tôi không yêu cầu.

- Quan điểm của chị Đ đề nghị Tòa án cho chị được quản lý, sử dụng nhà, đất, và 01 bộ bàn ghế đồng ky, gỗ hương, 01 điều hoà Panasonic để chị có chỗ ăn, ở và chị có trách nhiệm thanh toán tiền cho anh C số tiền là: 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Theo anh C trình bày: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết phân tài sản chung của hai vợ chồng.

Tài sản riêng: Anh C có: 01 Tivi Sony 49in, 01 bộ kệ Ti vi, 01 lọ lục bình gỗ hương cao 1,9m, chu vi 90cm, 07 tượng gỗ (01 tượng di lạc du xuân, 01 tượng di lạc ngồi gốc tùng, 01 tượng quan vân trường, 03 tượng tam đa, 01 tượng chúc phúc, 01 bộ bàn ăn gỗ dổi, 01 bếp từ, 2 điều hoà (1 điều hoà Casper và 01 điều hoà Panasonic), 01 ghế mát sa nhân hiệu OkinaWa, 01 quạt trần, 02 quạt cây Senko, 01 bộ âm ly, 03 giường, 02 tủ 3 buồng, 01 đệm, 01 máy giặt cửa ngang, 01 téc nước Inox 2.000l, 01 tủ lạnh 2 cánh LG, 01 án gian thờ, 02 bức tranh dán đá (khung gỗ ép). Hiện nay anh C đang quản lý, sử dụng. Anh C và chị Đ không yêu cầu tòa xem xét.

Công nợ: Theo chị Đ trình bày: vợ chồng không nợ ai.

Theo anh C trình bày: Nợ ngân hàng thương mại CPQĐ - MB Sơn Tây ngày 25/11/2015 số tiền là: 360.000.000đ(Ba trăm sáu mươi triệu đồng) đến ngày 16/9/2018 tôi thanh toán hết.

Nợ ông Đỗ Văn K, sinh năm 1959, trú quán: Thôn MT, xã VT, Ba Vì, Hà Nội là (bác ruột của tôi), số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tôi không nhớ thời gian vay, đến khoảng năm 2017,2018 tôi đã trả hết.

Nợ ông Phùng Đức Đ1 (đã mất) năm 2022 vợ là bà Lê Thị Tha ở MT, xã VT, Ba Vì, Hà Nội (Bố mẹ vợ) vay 01 cây vàng, đến khoảng năm 2017,2018 tôi đã trả hết.

Nợ Ông Duy Y số tiền: 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu) là người làng thôn MT, xã VT, Ba Vì, Hà Nội, đến khoảng năm 2017,2018 tôi đã trả hết.

Nợ bà Tân T3 số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) là người làng thôn MT, xã VT, Ba Vì, Hà Nội, tôi đã trả hết.

Những số nợ trên tôi đã trả hết tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

- Theo biên bản thẩm định ngày 02 tháng 8 năm 2022 và biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022 như sau:

1. Tài sản chung gồm : 01 nhà 02 tầng 01 tum, cửa khung gỗ, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa xây dựng năm 2012 giá trị $120m^2 \times 5.971.000đ/m^2 \times 60\% = 429.912.000đ$ (Bốn trăm hai mươi chín triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng).

Phần nhà anh Đỗ Trí C sửa chữa lại năm 2020 bao gồm:

+ Khuôn + cửa gỗ + bức chắn cầu thang có giá trị là: 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng chẵn*)

+ Sơn lại toàn bộ nhà có giá trị: 35.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng chẵn*)

+ Chát lại tường và công chát hết số tiền: 35.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng chẵn*)

+ 02 nhà vệ sinh (phần thiết bị) có giá là: 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*)

+ Lát lại nền nhà tầng 1 và tầng 2 (tầng 1 ốp gạch, tầng 2 ốp gỗ) có giá trị còn lại là: 45.000.000đ (*Bốn mươi năm triệu đồng chẵn*)

+ Phòng thờ tầng 3 có giá trị còn lại là: 45.000.000đ (*Bốn mươi năm triệu đồng chẵn*)

+ Tầng mái tôn (tầng 3) có giá trị còn lại là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

+ Nhà để xe (phần cửa cuốn, trần nhà) có giá trị còn lại là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

+ 01 sân vườn tầng 02 có giá trị còn lại là: 45.000.000đ (*Bốn mươi năm triệu đồng chẵn*)

+ Tổng cộng giá trị tài sản sửa chữa năm 2020 là: 380.000.000đ (*Ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*)

+ 01 mảnh đất diện tích 85m² tại thửa số 1156, tờ bản đồ số 22 tại khu đường Văn Chỉ, thuộc thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đỗ Trí C, cấp ngày 30/6/2011.

-Giá nhà nước theo quyết định số 30/2019/QĐ-UB ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội diện tích 85m² x 886.000đ/m² = 75.310.000đ (*Bảy mươi năm triệu, ba trăm mười ngàn đồng*)

- Giá thị trường của chị Phùng Thị Đ đưa ra giá 40.000.000đ/m²

-Giá thị trường của anh Đỗ Trí C đưa ra giá 21.000.000đ/m²

-Giá do Hội đồng định giá quyết định là 85m² x 30.500.000đ/m² = 2.592.500.000đ (*Hai tỷ, năm trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn*)

+ Một bộ bàn ghế đồng ky gỗ hương có giá trị là: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) đưa vào sử dụng năm 2012)

+ 01 điều hòa panasonic 9000 BTU (sử dụng từ năm 2012) có giá là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

Tại phiên tòa hôm nay chị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm. Anh C đồng ý thanh toán tài sản chung cho chị Đ số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn), nếu chị Đ không đồng ý thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, thẩm phán, thư ký, các hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 55,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị Đ. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Đ và anh Đỗ Trí C. Về con chung: có 02 con chung là cháu Đỗ Hải T1, sinh ngày 04/11/2005, cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 13/01/2019. Giao cho chị Đ nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải T1, sinh ngày 04/11/2005 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác, giao cho anh C nuôi dưỡng cháu Đỗ Duy K sinh ngày 13/01/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác, tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con chung đối với chị Đ và anh C. Tài sản chung: Giao cho chị Phùng Thị Đ được quản lý, sử dụng: 01 mảnh đất diện tích 85m² tại thửa số 1156, tờ bản đồ số 22 tại khu đường Văn Chỉ, thuộc thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đỗ Trí C, cấp ngày 30/6/2011 và trên mảnh đất là 01 nhà 02 tầng một tum, cửa khung gỗ, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, 01 bộ bàn ghế đồng kỵ gỗ hương, 01 điều hoà Panasonic. Có tổng trị giá 3.425.412.000đ (Ba tỷ ,bốn trăm hai mươi năm ngàn, bốn trăm mười hai đồng). Chị Phùng Thị Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Đỗ Trí C số tiền là: 1.712.706.000đ (Một tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm linh sáu ngàn đồng). Tài sản riêng: không xem xét giải quyết. Chi phí thẩm định, định giá đo đạc: Các đương sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về án phí: chị Phùng Thị Đ tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí tài sản các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị Đ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đỗ Trí C, quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về hôn nhân và

gia đình theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đ, anh C cùng có hộ khẩu thường trú tại huyện Ba Vì nên theo quy định tại khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phùng Thị Đ và anh Đỗ Trí C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, vợ chồng không còn tình cảm. Chị Đ trình bày anh C có gái quan hệ bất chính với chị Phùng Thị T – sinh năm 1984; quê quán: Suối Hai, xã Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội; hiện đang công tác tại Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì, khoa ngoại và sinh được 1 cháu trai, qua xác minh tại Bệnh viện Ba Vì thì hiện nay chị T đã ly hôn và mới sinh 1 cháu nhưng không biết bố cháu là ai, về phía chị Đ không yêu cầu xử lý hình sự, do vậy HĐXX không xem xét. Hai anh chị đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ từ tháng 6/2019 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ và anh C đều xin thuận tình ly hôn nên HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phùng Thị Đ và anh Đỗ Trí C là phù hợp với quy định tại các Điều 55,56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ, anh C đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Đỗ Hải T1, sinh ngày 04/11/2005, cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 13/01/2019. Nguyên vọng của chị Đ là tiếp tục được nuôi 2 cháu và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng chẵn) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nguyên vọng của anh C xin tiếp tục nuôi 2 cháu và không yêu cầu chị Đ trợ cấp nuôi con chung. Tại bản tự khai của cháu T1 xin ở với mẹ, cháu K xin ở với bố. Do vậy, HĐXX thấy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và theo nguyện vọng của 02 cháu. Tòa quyết định giao cho chị Phùng Thị Đ tiếp tục nuôi cháu Đỗ Hải T1, sinh ngày 04/11/2005 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh Đỗ Trí C tiếp tục nuôi cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 13/01/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ và anh C mỗi người nuôi 1 cháu do vậy HĐXX tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ và anh C.

[4] Về tài sản chung: chị Đ, anh C có 01 mảnh đất diện tích 85m² tại thửa số 1156, tờ bản đồ số 22 tại khu đường Văn Chỉ, thuộc thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đỗ Trí C, cấp ngày 30/6/2011. Giá do Hội đồng định giá quyết định là 85m² x 30.500.000đ/m² = 2.592.500.000đ (Hai tỷ, năm trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn)

-01 nhà 02 tầng một tum, cửa khung gỗ, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, chưa sơn nhà, xây dựng năm 2012 có trị giá là 429.912.000đ (Bốn trăm

hai mươi chín triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng) đến năm 2020 anh C tự ý sửa chữa không được sự đồng ý của chị Đ có tổng giá trị tài sản sửa chữa năm 2020 là: 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn)

-01 bộ bàn ghế đồng ky gỗ hương có giá trị là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) ; 01 điều hòa panasonic 9000 BTU có giá là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

Quan điểm của chị Phùng Thị Đ có nguyện vọng được ăn ở tại đất, nhà và có trách nhiệm thanh toán cho anh Đỗ Trí C. Tại hồ sơ anh C cho rằng đất là tiền của mẹ anh nhưng anh không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, tại phiên toà anh thừa nhận đó là tài sản chung vợ chồng anh đồng ý thanh toán cho chị Đ 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) nếu chị Đ không đồng ý thì anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Năm 2020 anh C tự ý sửa chữa nhà không được sự đồng ý chị Đ nên cần phải nhập vào tài sản của vợ chồng. Tổng giá trị tài sản chung của chị Đ, anh C gồm đất, nhà và tài sản là (429.912.000đ + 380.000.000đ +2.592.500.000đ +20.000.000đ +3.000.000đ) = 3.425.412.000đ (Ba tỷ ,bốn trăm hai mươi năm ngàn, bốn trăm mười hai đồng)

Xét thấy, nguyện vọng của chị Đ muốn có chỗ ăn ở là xứng đáng, để bảo đảm quyền lợi cho phụ nữ cần phải Giao cho chị Phùng Thị Đ được quản lý, sử dụng: 01 mảnh đất diện tích 85m² tại thửa số 1156, tờ bản đồ số 22 tại khu đường Văn Chỉ, thuộc thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đỗ Trí C, cấp ngày 30/6/2011 và trên mảnh đất là 01 nhà 02 tầng một tum, cửa khung gỗ, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, 01 bộ bàn ghế đồng ky gỗ hương, 01 điều hoà Panasonic. Có tổng trị giá 3.425.412.000đ (Ba tỷ ,bốn trăm hai mươi năm ngàn, bốn trăm mười hai đồng)

Chị Phùng Thị Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Đỗ Trí C số tiền là: 1.712.706.000đ (Một tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm linh sáu ngàn đồng)

[5] Tài sản riêng: Anh Đỗ Trí C có: 01 Tivi Sony 49in, 01 bộ kệ Ti vi, 01 lọ lục bình gỗ hương cao 1,9m, chu vi 90cm, 07 tượng gỗ (01 tượng di lạc du xuân, 01 tượng di lạc ngồi gốc tùng,01 tượng quan vân trường, 03 tượng tam đa,01 tượng chúc phúc, 01 bộ bàn ăn gỗ dổi, 01 bếp từ, 2 điều hoà (1 điều hoà Casper và 01 điều hoà Panasonic), 01 ghế mát sa nhãn hiệu OkinaWa, 01 quạt trần, 02 quạt cây Senko, 01 bộ âm ly, 03 giường, 02 tủ 3 buồng,01 đệm, 01 máy giặt cửa ngang, 01 téc nước Inox 2.000l, 01 tủ lạnh 2 cánh LG, 01 án gian thờ,02 bức tranh dán đá (khung gỗ ép). Hiện nay anh C đang quản lý, sử dụng.Anh C và chị Đ không yêu cầu tòa xem xét. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[6] Công nợ:

- Chị Đ trình bày: Anh chị không nợ ai

- Anh C trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh có nợ một số người, nhưng anh đã trả hết, anh không yêu cầu giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[7] Chi phí thẩm định, định giá đo đạc: Chị Phùng Thị Đ đã nộp tiền thẩm định, đo đạc, định giá là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*). Chị Đ, anh C mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền, do vậy anh Đỗ Trí C phải trả cho chị Phùng Thị Đ là 3.250.000đ (*Ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

[8] Về án phí: chị Phùng Thị Đ tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí tài sản chị Đ, anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 59, Điều 82, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị Đ. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Đ và anh Đỗ Trí C.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Hải T1, sinh ngày 04/11/2005, cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 13/01/2019. Giao cho chị Đ được nuôi cháu Đỗ Hải T1, sinh ngày 04/11/2005 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh Đỗ Trí C tiếp tục nuôi cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 13/01/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác

Chị Phùng Thị Đ, anh Đỗ Trí C được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn trợ cấp nuôi con chung cho chị Đ, anh C.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Phùng Thị Đ được quản lý, sử dụng: 01 mảnh đất diện tích 85m² tại thửa số 1156, tờ bản đồ số 22 tại khu đường Văn Chi, thuộc thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đỗ Trí C, cấp ngày 30/6/2011 và trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng một tum, cửa khung gỗ, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, 01 bộ bàn ghế đồng kỵ gỗ hương, 01 điều hoà Panasonic. Có tổng trị giá 3.425.412.000đ (*Ba tỷ, bốn trăm hai mươi năm ngàn, bốn trăm mười hai đồng*)

Chị Phùng Thị Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Đỗ Trí C số tiền là: 1.712.706.000đ (*Một tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm linh sáu ngàn đồng*)

Chị Phùng Thị Đ có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Tài sản riêng; HĐXX không xem xét.

5. Công nợ: HĐXX không xem xét.

6. Về án phí: chị Phùng Thị Đ tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 63.381.000đ án phí tài sản được đối trừ vào số tiền 46.300.000đ tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0060230 ngày 17/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Nay chị Đ còn phải nộp tiếp số tiền 17.381.000đ. Anh Đỗ Trí C phải chịu 63.381.000đ án phí tài sản.

7. Quyền kháng cáo: Chị Đ, anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã VT
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Thu Hương